

Số: 238/NQ-HĐND

Móng Cái, ngày 18 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách thành phố; Báo cáo thẩm tra số 229/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố, như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

(1) Bổ sung 68.815 triệu đồng vốn ngân sách Thành phố từ nguồn vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội đảm bảo vững chức quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 thực hiện 14 dự án (Chi tiết nội dung tại Biểu số 01).

(2) Phương án điều chỉnh, phân bổ:

- Điều chỉnh giảm 20.504 triệu đồng (so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND) nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ cho các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025 của 02 dự án (6.252 triệu đồng) và 01 nội dung đầu tư (Dự nguồn phân bổ vốn cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn: 14.252 triệu đồng) (Chi tiết nội dung tại Biểu số 02).

- Điều chỉnh giảm 88.392 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất (so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND) của 10 dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia (25.843 triệu đồng); 11 dự án đầu tư công đã được quyết toán (4.469 triệu đồng); dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư (38.080 triệu đồng) và nguồn dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn (20.000 triệu đồng); điều chỉnh tăng 43.340 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất cho 12 dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia (7.340 triệu đồng); 02 dự án chuyển tiếp (31.000 triệu đồng) và 01 dự án mới (5.000 triệu đồng) (*Chi tiết nội dung tại Biểu số 03*).

2. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024, cụ thể:

2.1. Sửa đổi Khoản 2.1, Điều 1, Nghị quyết số 227/NQ-HĐND:

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
	Kế hoạch tại Nghị quyết số 227/NQ-HĐND	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
Vốn đầu tư ngân sách thành phố Móng Cái	2.926.289	3.259	2.929.548
<i>(1) Kế hoạch đã phân bổ năm 2021</i>	<i>576.623</i>		<i>576.623</i>
- Công trình chuyển tiếp	167.125		167.125
- Công trình khởi công mới	409.498		409.498
<i>(2) Kế hoạch giai đoạn 2022-2025</i>	<i>2.349.666</i>	<i>3.259</i>	<i>2.352.925</i>
<i>(i1) Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>	<i>219.875</i>	<i>-20.504</i>	<i>199.371</i>
<i>(i2) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022</i>	<i>1.398.503</i>		<i>1.398.503</i>
<i>(i3) Phân bổ cho các công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025</i>	<i>663.208</i>	<i>81.843</i>	<i>745.051</i>
<i>(i4) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư</i>	<i>38.080</i>	<i>-38.080</i>	<i>0</i>
<i>(i5) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn</i>	<i>30.000</i>	<i>-20.000</i>	<i>10.000</i>

2.2. Sửa đổi Khoản 2.2, Điều 1, Nghị quyết số 227/NQ-HĐND:

ST T	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn ngân sách thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025 (Đơn vị: Triệu đồng)		
		Kế hoạch tại Nghị quyết số 227/NQ-HĐND	Nội dung Điều chỉnh	Kế hoạch sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	2.926.289	3.259	2.929.548
1	Các dự án, công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	387.000	-20.504	366.496

2	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2021-2022	1.808.001	0	1.808.001
3	Các dự án, công trình khởi công mới giai đoạn 2023-2025	663.208	81.843	745.051
4	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023 - 2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư	38.080	-38.080	0
5	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn	30.000	-20.000	10.000

2.3. Sửa đổi Khoản 2.3, Điều 1, Nghị quyết số 227/NQ-HĐND:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh:

(1) Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025: 42 dự án (giảm 01 nội dung đầu tư so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND); kế hoạch là 366.496 triệu đồng¹ (Chi tiết nội dung tại Biểu số 04).

(2) Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 237 dự án (tăng 13 dự án); kế hoạch là 2.553.052 triệu đồng (tăng 81.843 triệu đồng so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND)² (Chi tiết nội dung tại Biểu số 05).

(3) Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cần hoàn thiện thủ tục đầu tư: 0 triệu đồng (giảm 38.080 triệu đồng so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND).

(4) Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 10.000 triệu đồng (giảm 20.000 triệu đồng so với Nghị quyết số 227/NQ-HĐND).

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân Thành phố. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn, lũy kế vốn đã bố trí để xác định chính xác nhu cầu. Khẩn trương hoàn tất thủ tục phê duyệt dự án các dự án khởi công mới; rà soát các chương trình, dự án đang triển khai để đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công năm 2019; có giải pháp huy động nguồn lực để đáp ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn trong giai đoạn 2024-2025, xem xét điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án đã bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng kéo dài không khởi công do không đảm bảo các quy định về quy hoạch, đất đai, xử lý tài sản công; đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đảm bảo thực tiễn, bám sát quy định của cơ quan có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến theo quy định của Luật Đầu tư công.

Riêng đối với nhóm dự án mới thuộc Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội đảm bảo vững chức quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 được bổ sung trong kỳ này, đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thực hiện rà soát, đối chiếu danh mục, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù để xem xét điều chỉnh đảm bảo quy định tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành

¹ Trong đó: Năm 2021 là 167.125 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 199.371 triệu đồng.

² Trong đó: năm 2021 là 409.498 triệu đồng; giai đoạn 2022-2025 là 2.143.554 triệu đồng.

danh mục loại dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác chuẩn bị đầu tư công và hoàn thiện các thủ tục đầu tư nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nhất là các dự án quy mô lớn, trọng điểm, dự án phải hoàn thành trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình và đề án của tỉnh.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, xã phường trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công gắn với kiểm soát quyền lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân Thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này thì thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố số: 82/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021; 93/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022; 105/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022; 122/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022; 135/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022; 144/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022; 153/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023; 163/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023; 178/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023; 195/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023; 201/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024; 215/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 và 227/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024.

3. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XXI, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- TT: HĐND và UBND tỉnh (B/c);
- Ban KT-NS HĐND Tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT: Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại TP;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH TP (P/h);
- Các Ban, các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị thuộc TP;
- TT: HĐND, UBND các xã phường;
- Trung tâm TT và VH, công TTĐT TP;
- VP: Thành ủy; HĐND-UBND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đô

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ
 (Kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND Thành phố)



Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		KH 2021-2025 đã phê duyệt tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố			Bổ sung Kế hoạch 2021-2025			Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh/bổ sung			Ghi chú		
		Số, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng cộng	Trđó: NSNN	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số		Năm 2021	Năm 2022-2025
	TỔNG CỘNG			158.470	157.498	43.686	0	43.686	68.815	0	68.815	112.501	0	112.501	
	<i>Dự án thuộc Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đông bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025</i>														
1	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	943; 14/3/2024	58.000	58.000	58.000	23.686		23.686	13.200		13.200	36.886		36.886	
2	Xây mới khu nhà học bộ môn và nhà đa năng trường tiểu học Hải Tiên	943; 14/3/2024	44.975	44.975	44.975	20.000		20.000	10.800		10.800	30.800		30.800	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba thôn Trung đi thôn Nam xã Vạn Ninh	5100; 23/9/2024	4.346	4.287	4.287				3.685		3.685	3.685		3.685	
4	Xây dựng tuyến đường công vụ để Hồ Viết và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đê Hồ Viết đến nhà văn hoá thôn 8, xã Hải Xuân	5100; 23/9/2024	8.400	8.250	8.250				7.150		7.150	7.150		7.150	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, xã Vĩnh Thực	5100; 23/9/2024	6.318	6.248	6.248				5.150		5.150	5.150		5.150	
6	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 1, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	1.450	1.421	1.421				1.220		1.220	1.220		1.220	
7	Xây mới nhà văn hoá thôn 3A, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.204	3.154	3.154				2.400		2.400	2.400		2.400	
8	Xây mới nhà văn hoá thôn 3B, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.101	3.051	3.051				2.450		2.450	2.450		2.450	
9	Xây mới nhà văn hoá thôn 3 xã Quảng Nghĩa	5100; 23/9/2024	3.104	3.054	3.054				2.620		2.620	2.620		2.620	
10	Xây mới nhà văn hoá thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	5100; 23/9/2024	2.995	2.961	2.961				2.580		2.580	2.580		2.580	
11	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ quốc lộ 18A đến đò ông Ngộ thôn 10 xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.927	4.863	4.863				3.900		3.900	3.900		3.900	
12	Xây mới, sửa chữa kênh mương phục vụ sản xuất trên địa bàn xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.640	4.509	4.509				3.320		3.320	3.320		3.320	
13	Xây mới nhà đa năng trường tiểu học Hải Đông	6184; 22/11/2024	5.468	5.418	5.418				4.040		4.040	4.040		4.040	
14	Đường giao thông nông thôn liên thôn 3, thôn 5, thôn 9, xã Hải Đông	6184; 22/11/2024	7.542	7.307	7.307				6.300		6.300	6.300		6.300	

**ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
ĐÃ PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND Thành phố)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số; ngày, tháng, năm		TMDT		Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144, 153, 163, 178, 195, 201, 215 và 227 của HĐND Thành phố			Điều chỉnh Kế hoạch trung hạn 2021-2025						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm	Tổng cộng	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Giảm		Tăng		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025		
									Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số							Năm 2021	
	TỔNG CỘNG		212.091	142.091	124.640	33.644	90.996	20.504	0	20.504	0	0	104.136	33.644	70.492					
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiên - Hồ Tráng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hên, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	85.688	22.524	63.164	4.672		4.672			81.016	22.524	58.492					
2	Trường mầm non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	6112; 31/10/2019; 229; 13/11/2024	32.580	32.580	24.700	11.120	13.580	1.580		1.580			23.120	11.120	12.000					
3	Dự nguồn phân bổ vốn cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn				14.252		14.252	14.252					0	0	0					

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
(Kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư				KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144, 153, 163, 178, 195, 201, 215 và 227 của HĐND Thành phố				Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch 2021-2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất)						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh/ bổ sung			Ghi chú
		TMDT		Số ngày, tháng, năm	Tổng cộng	Trong đó: NSNN	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
		Tổng cộng	Trong đó: NSNN																
		TỔNG CỘNG																	
A	Dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025																		
I	Dự án thuộc Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025																		
I	Các dự án quyết toán, thừa vốn																		
1.1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thục	3157; 29/4/2022	29.156	27.910	26.036	0	26.036	1.843	0	1.843	0	24.193	0	24.193	0	24.193	0	24.193	
1.2	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thán Phấn xã, xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	3.681	3.517	3.510	0	3.510	105	0	105	0	3.405	0	3.405	0	3.405	0	3.405	
1.3	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngọn Hải Đăng Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	2.456	2.331	2.320	0	2.320	71	0	71	0	2.249	0	2.249	0	2.249	0	2.249	
1.4	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiên	9986; 28/11/2022	9.400	9.400	8.455	0	8.455	819	0	819	0	7.636	0	7.636	0	7.636	0	7.636	
1.5	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thục	9986; 28/11/2022	2.769	2.215	1.866	0	1.866	272	0	272	0	1.594	0	1.594	0	1.594	0	1.594	
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1617; 22/3/2023	2.008	1.986	1.986	0	1.986	290	0	290	0	1.696	0	1.696	0	1.696	0	1.696	
1.7	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.800	0	3.800	132	0	132	0	3.668	0	3.668	0	3.668	0	3.668	
1.8	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.400	0	2.400	35	0	35	0	2.365	0	2.365	0	2.365	0	2.365	
2	Dự án chuyển tiếp																		
2.1	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	943; 14/3/2024	102.975	102.975	54.314	0	54.314	24.000	0	24.000	0	30.314	0	30.314	0	30.314	0	30.314	
2.2	Xây mới khu nhà học bộ môn và nhà đa năng trường tiểu học Hải Tiên	943; 14/3/2024	58.000	58.000	31.314	0	31.314	13.200	0	13.200	0	18.114	0	18.114	0	18.114	0	18.114	
3	Dự án khởi công mới																		
3.1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba thôn Trung đi thôn Nam xã Vạn Ninh	5100; 23/9/2024	4.346	4.287	0	0	0	0	0	0	0	550	0	550	0	550	0	550	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư				KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144, 153, 163, 178, 195, 201, 215 và 227 của HĐND Thành phố				Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch 2021-2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất)				Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh/ bổ sung			Ghi chú
		Số; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
			Tổng cộng	Trong đó: NSNN													
3.2	Xây dựng tuyến đường công vụ để Hồ Viết và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ để Hồ Viết đến nhà văn hoá thôn 8, xã Hải Xuân	5100; 23/9/2024	8.400	8.250	0		0	1.050			1.050	0	1.050	0	1.050		
3.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, xã Vĩnh Thục	5100; 23/9/2024	6.318	6.248	0		0	750			750	0	750	0	750		
3.4	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 1, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	1.450	1.421	0		0	190			190	0	190	0	190		
3.5	Xây mới nhà văn hoá thôn 3A, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.240	3.154	0		0	700			700	0	700	0	700		
3.6	Xây mới nhà văn hoá thôn 3B, xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.101	3.051	0		0	550			550	0	550	0	550		
3.7	Xây mới nhà văn hoá thôn 3 xã Quảng Nghĩa	5100; 23/9/2024	3.104	3.054	0		0	350			350	0	350	0	350		
3.8	Xây mới nhà văn hoá thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	5100; 23/9/2024	2.995	2.961	0		0	350			350	0	350	0	350		
3.9	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ quốc lộ 18A đến đò ông Ngộ thôn 10 xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.927	4.863	0		0	700			700	0	700	0	700		
3.10	Xây mới, sửa chữa kênh mương phục vụ sản xuất trên địa bàn xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.640	4.509	0		0	550			550	0	550	0	550		
3.11	Xây mới nhà đa năng trường tiểu học Hải Đông	6184; 22/11/2024	5.468	5.418	0		0	700			700	0	700	0	700		
3.12	Đường giao thông nông thôn liên thôn 3, thôn 5, thôn 9, xã Hải Đông	6184; 22/11/2024	7.542	7.307	0		0	900			900	0	900	0	900		
II	Dự án đầu tư công		208.681	207.681	138.060			4.469	0	4.469	0	4.469	0	4.469	0	4.437	
I	Các dự án đã phê duyệt quyết toán		81.153	80.153	73.960			4.469	0	4.469	0	4.469	0	4.469	0	4.437	
1.1	Dự án sửa chữa điểm sạt lở ở thôn 8, xã Hải Xuân	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	5.700			1.263			1.263	0	1.263	0	1.263		
1.2	Thảm nhựa đường Đoàn Tmnh, phường Hải Yên	120/NQ- HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	9.500			1.341			1.341	0	1.341	0	1.341		
1.3	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	120/NQ- HĐND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.800			446			446	0	446	0	446		
1.4	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bổ sung phòng học trường THCS Hải Yên	9596; 04/12/2020	21.791	21.791	20.310			268			268	0	268	0	268		
1.5	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.400			175			175	0	175	0	175		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Quyết định CTĐT/Quyết định đầu tư		KH 2021-2025 phê duyệt tại NQ 82, 93, 104, 122, 144, 153, 163, 178, 195, 201, 215 và 227 của HĐND Thành phố		Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch 2021-2025 (nguồn thu tiền sử dụng đất)						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh/ bổ sung			Ghi chú		
		Số, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng cộng	Trong đó: NSNN	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Giảm			Tăng					
									Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025			
1.6	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	15/222; 13/12/2021	10.066	10.066	10.066	9.450	9.450	441	441	0	0	9.009	0	9.009			
1.10	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	02/12/2022; 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	14.567	12.900	12.900	196	196	0	0	12.704	0	12.704			
1.11	Xây mới nhà văn hoá khu phố 1, phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945	3.945	3.900	3.900	339	339	0	0	3.561	0	3.561			
2	Dự án năm 2024 chuyển sang năm 2025		127.528	127.528	127.528	64.100	64.100	0	0	0	0	36.000	0	36.000			100.100
2.1	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	120; 22/7/2022; 194; 19/12/2023	105.693	105.693	105.693	59.000	59.000	0	0	0	0	29.000	0	29.000			88.000
2.2	Xây dựng Trường mầm non Hải Yên giai đoạn 2	120; 22/7/2022; 237 18/12/2024	7.135	7.135	7.135	5.100	5.100	0	0	0	0	2.000	0	2.000			7.100
2.3	Xây dựng mới cầu ngầm tràn đường 4B (cầu 17 nhịp cũ) phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	236; 18/12/2024	14.700	14.700	14.700	0	0	0	0	0	0	5.000	0	5.000			5.000
III	Dự kiến cân đối nguồn cho các chương trình, dự án khởi công mới giai đoạn 2023-2025 cân hoàn thiện thủ tục đầu tư					38.080	38.080	0	38.080	0	0	0	0	0			0
IV	Dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn					30.000	30.000	20.000	20.000	0	0	10.000	0	10.000			10.000



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND Thành phố)

Biểu số 04

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMBT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
TỔNG CỘNG						1.180.540	938.201	483.436	42	366.496	167.125	199.371	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến cống thoát nước khu Hồng Phong, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	C	2019 -2021	BQL dự án ĐTXD	6016; 29/10/19	4.212	4.212	2.896	1	395	395	0	
2	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Tiến, thành phố Móng Cái	C	2019 -2020	BQL dự án ĐTXD	5057; 18/9/19	14.696	14.696	11.550	1	2.139	2.139	0	
3	Xây dựng bổ sung khu nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn trường THCS Hải Xuân, thành phố Móng Cái	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	5882; 24/10/19	11.956	11.956	9.599	1	1.590	1.590	0	
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc tại khu vực đông dân cư thuộc tuyến đường xuyên đảo xã Vĩnh Thực-Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5586; 11/10/19	8.996	8.996	7.340	1	1.150	1.150	0	
5	Gia cố đoạn xung yếu tuyến đê thôn 1 xã Quảng Nghĩa	C	2019 - 2021	BQL dự án ĐTXD	6115; 31/10/19	5.027	5.027	3.305	1	1.093	498	595	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Cầu và liên kết với Hồ Cái Vĩnh, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái.	C	2019 - 2022	BQL dự án ĐTXD	6015; 29/10/19	12.971	12.971	7.609	1	5.300	300	5.000	
7	Hoàn trả kinh phí cho nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cầu phao tạm trên sông Ka Long và các hạng mục công trình đảm bảo hoạt động của cầu phao tạm Km3+Km4, phường Hải Yên, TP Móng Cái (Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL)	C	2018-2019	BQL dự án ĐTXD	140; 8/6/2017	173.334	154.909	69.999	1	72.500	31.000	41.500	
8	Trường THCS Bình Ngọc	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	5163; 23/9/19	37.082	37.082	26.516	1	10.000	10.000	0	
9	Trường mầm non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	6112; 31/10/2019; 229; 13/11/2024	32.580	32.580	9.380	1	23.120	11.120	12.000	
10	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm truyền thông và văn hóa	C	2019-2021	BQL dự án ĐTXD	4925; 10/9/19	11.083	11.083	9.100	1	1.756	800	956	
11	Chính trang khu dân cư km3, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	C	2019-2020	UBND thành phố MC	4406; 30/10/18	131.773	39.532	19.000	1	7.228	1.000	6.228	
12	Hạ tầng Khu dân cư Bắc Đại lộ Hoà Bình, thành phố Móng Cái	C	2018-2022	BQL dự án ĐTXD	3646; 1/8/18	175.558	175.558	73.866	1	76.100	50.230	25.870	
13	Mở rộng tuyến đường phố Thắng Lợi, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5461; 30/10/18	6.705	6.705	4.800	1	800	800	0	
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn 5, xã Hải Xuân	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	4998; 1/10/18	59.931	59.931	34.000	1	25.000	12.600	12.400	
15	Xây mới Trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa	C	2019-2022	BQL dự án ĐTXD	5918; 28/10/19	12.454	12.454	9.600	1	1.890	200	1.690	
16	Xây dựng hồ chứa nước Đầm Ván, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2022	BQL dự án ĐTXD	5381; 29/10/18; 12704; 27/10/2021; 13285; 14/12/2022	18.852	18.852	8.800	1	8.530	800	7.730	
17	Cấp nước tập trung liên xã Hải Xuân - Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	C	2018-2021	BQL dự án ĐTXD	5488; 31/10/18	26.082	26.082	21.526	1	4.537		4.537	
18	Hỗ trợ xây dựng khu căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (Hạng mục Đường cơ động vào thao trường và Sở chỉ huy diên tập thành phố Móng Cái)	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5228a; 31/10/17	10.000	10.000	5.000	1	4.310	4.310	0	
19	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm xã Hải Tiến - Hồ Trảng Vinh đến trạm Biên phòng Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021	UBND thành phố MC	4369; 16/10/2019; 2534; 31/8/2022	179.511	109.511	23.299	1	81.016	22.524	58.492	
20	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu đô thị vành đai 2-3 (khu A2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	323; 25/1/17	5.733	5.733	2.189	1	3.500		3.500	
21	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (ký hiệu A3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4337; 23/12/16	12.046	12.046	6.008	1	6.000		6.000	
22	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu du lịch Trà cổ - Bình Ngọc(khu A6 và một phần khu A5.3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu MC	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4399; 27/12/16	6.216	6.216	2.130	1	4.000		4.000	

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn cấp đến hết KH 2020	Kế hoạch 2021-2025				Ghi chú
					Số; ngày, tháng, năm	TMDT			Số dự án	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022-2025	
						Tổng cộng	Trong đó: NSTP						
23	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.1 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái dân cư hiện hữu (ký hiệu C3)	C	2017	BQL dự án ĐTXD	322; 25/1/17	917	917	0	1	900		900	
24	Quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu E-E1.3 - Khu vực phát triển kinh tế xã hội vùng biên gần với an ninh quốc phòng tại xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2017	BQL dự án ĐTXD	346; 25/1/17	1.480	1.480	570	1	900		900	
25	GPMB nhà văn hóa xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	C	2020-2021		1951; 19/3/21	663	663		1	263	263		0
26	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên phường Hải Yên - Ninh Dương, thành phố Móng Cái (Đường 4B cũ)	C	2017 - 2018	BQL dự án ĐTXD	4819; 31/10/16	39.200	39.200	31.075	1	900	900		0
27	Khu dân cư kiểu mẫu phường Ka Long	C	2019-2021	UBND phường Ka Long	86b; 15/10/18	368	368	334	1	29	29		0
28	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Đông, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	70; 28/10/19	1.605	1.605	1.143	1	147	147		0
29	Thôn nông thôn mới nâng cao thôn Trung, xã Vạn Ninh	C	2020-2021	UBND xã Vạn Ninh	71; 28/10/19	1.918	1.918	1.292	1	272	272		0
30	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị hiện hữu (ký hiệu A1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4341; 23/12/16	1.756	1.756	650	1	910	910		0
31	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C1) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4339; 23/12/16	3.299	3.299	889	1	2.140	2.140		0
32	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm đô thị tích hợp mới (ký hiệu C2) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4340; 23/12/17	4.966	4.966	2.490	1	1.970	1.970		0
33	Khảo sát, lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư hiện hữu (ký hiệu C3) thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	C	2017	BQL dự án ĐTXD	4342; 23/12/16	10.780	10.780	6.327	1	3.930	3.930		0
34	Xây dựng trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long, thành phố Móng Cái	C	2020-2020	BQL dự án ĐTXD	5053; 16/9/19	1.493	1.493	1.180	1	162	162		
35	Nâng cấp trụ sở HĐND - UBND thành phố Móng Cái	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5178; 27/10/17	13.044	13.044	11.520	1	454	454		0
36	Mở rộng, nâng cấp đường từ ngã 5 Ninh Dương - Cầu Voi, thành phố Móng Cái	C	2012-2013	BQL dự án ĐTXD	3367; 18/10/12	34.901	34.901	28.342	1	962	195	767	
37	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè một số tuyến nội thị khu Đông Bắc chợ, phường Trần Phú	C	2018 - 2020	BQL dự án ĐTXD	5062; 25/10/17	14.117	10.191	7.349	1	87	87		0
38	Hồ chứa nước Cái Vĩnh xã Vĩnh Trung	C	Theo kế hoạch bố trí vốn	BQL dự án ĐTXD	6904; 26/12/13	14.367	14.367	8.431	1	5.680	980	4.700	
39	Chỉnh trang, cải tạo trục đường chính phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	C	2016 - 2017	BQL dự án ĐTXD	4808; 31/10/16	14.435	14.435	3.000	1	3.230	3.230		0
40	Nâng cấp đại lộ Hòa Bình, đoạn từ km2 đến cầu Hòa Bình	C		UBND thành phố MC	1704; 01/6/2005	54.238	5.897	2.506	1	736			736
41	Sàn nền phần diện tích mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Móng Cái	C		UBND thành phố MC	2062; 11/6/2010 3139; 16/9/2010; 5298; 30/12/2011; 5844; 31/12/2015	9.406		8.165	1	756			756
42	Đường giao thông nội khu Nam đài truyền hình, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái			BQL dự án ĐTXD	5355; 30/9/2019	791	791	660	1	114			114
43	Dự nguồn phân bổ cho các công trình quyết toán còn thiếu vốn									0			0

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 18/12/2024 của HĐND Thành phố)



STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025			Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
								2.975.909	2.631.395	2.553.052	409.498	15.000	2.143.554	
TỔNG CỘNG														
I	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7						111.602	111.602	87.197	15.000	72.197		
1	Tu bổ, nâng cấp đê Ông Tam, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	1	C	12/2019-12/2022	L = 0,9 km	BQL dự án ĐTXD	1799; 06/3/2020	31.213	31.213	28.090	7.000	21.090		
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019-12/2022	L = 1,3 km	BQL dự án ĐTXD	2122; 20/3/2020	25.301	25.301	22.770	8.000	14.770		
3	Dự án sửa chữa điểm sạt lở đê thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2022-2023	Xây dựng kè ốp mái L=81m; Giữa có chắn đê L=75m	BQL dự án ĐTXD	14881; 06/12/2021	6.329	6.329	4.437		4.437		
4	Làm mới công đê Hân, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2023	Xây mới 01 công, sửa chữa 02 cánh công	BQL dự án ĐTXD	15239; 13/12/2021	3.261	3.261	2.935		2.935		
5	Nạo vét sông Mãn Thi, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mãn Thi) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nạo vét lòng sông S=22,5ha	BQL dự án ĐTXD	14847; 03/12/2021	29.856	29.856	14.288		14.288		
6	Sửa chữa, nâng cấp công đê biển thôn 2 và thôn 5 xã Hải Đông	1	C	2022	Sửa chữa Công đê dưới đê thôn 2, thôn 5, thay cánh công, hàng rào, bóc dỡ kè sắt	UBND xã Hải Đông	3496; 20/5/2022	691	691	677		677		
7	Kè chắn sóng đầu Đông núi Gió (từ cuối núi Gió đến giáp bến Hèn), xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	14.952	14.952	14.000		14.000		
II	Lĩnh vực Giao thông vận tải	14						293.495	178.346	149.610	0	149.610		
1	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	1	C	2022-2024	L = 1,895 km	BQL dự án ĐTXD	15215; 13/12/2021	27.900	27.900	25.110		25.110		
2	Sửa chữa các ngầm trần thuộc tuyến dẫn vào rừng phòng hộ thôn Pạc Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm trần 63,7m	BQL dự án ĐTXD	15236; 13/12/2021	2.245	2.245	2.123		2.123		
3	Nâng cấp, sửa chữa các công qua đường thuộc tuyến đường vào bản Lý Lồ, thôn Thán Phùn, xã Bắc Sơn	1	C	2022-2023	Sửa chữa đường dẫn, ngầm trần 71 m; xử lý 01 công	BQL dự án ĐTXD	15237; 13/12/2021	2.958	2.958	2.791		2.791		
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Châm, xã Vĩnh Trung	1	C	2022-2024	L = 2,1 km	BQL dự án ĐTXD	15238; 13/12/2021	14.311	14.311	13.473		13.473		
5	Cải tạo một số tuyến phố phường Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	17.500	17.500	15.800		15.800		
6	Thảm nhựa đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	10.500	10.500	8.159		8.159		
7	Nâng cấp mặt đường một số tuyến phố khu Hòa Bình, khu Thọ Xuân, phường Hòa Lạc	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	4.144	4.144	3.354		3.354		

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt C/ĐTĐ/phe duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính Thôn 9 từ giáp Quốc lộ 18 đến ngã ba di Nhà văn hóa trung tâm xã Hải Đông	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.449	10.449	9.800		9.800	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trụ sở UBND xã Quảng Nghĩa đến công chèo thôn 4, xã Quảng Nghĩa	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	4616; 22/8/2023	9.700	9.700	9.200		9.200	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến đường Trần Hưng Đạo, khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	NQ 177; 14/11/2023	11.661	11.661	11.000		11.000	
11	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Vỹ, phường Trà Cỏ	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.737	10.737	10.000		10.000	
12	Đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường tại khu Trảng Lố, phường Trà Cỏ	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	4622; 22/8/2023	8.297	8.297	7.800		7.800	
13	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	B	2024-2027			NQ 200; 28/3/2024	138.433	23.284	20.000		20.000	
14	Thảm nhựa các tuyến đường khu Thọ Xuân và khu Hòa Bình, phường Hòa Lạc	1	C				2708; 20/6/2024	9.960	9.960	6.000		6.000	
15	Xây dựng mới cầu ngầm tràn đường 4B (cầu 17 nhịp cũ) phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2025-2027		BQL dự án ĐTXD	NQ236; 18/12/2024	14.700	14.700	5.000		5.000	
III	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	15						594.111	482.418	39.131		513.290	
1	Xây dựng khu nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, bổ sung phòng học trường THCS Hải Yên	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	9596; 04/12/2020	21.791	21.791	20.042	8.940	11.102	
2	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Hải Hòa	1	C	2021-2023	Xây nhà học 03 tầng 21 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	9447; 03/12/2020	24.434	24.434	23.290	16.691	6.599	
3	Xây dựng nhà ăn Trường tiểu học Ka Long	1	C	2021-2022	Xây dựng nhà ăn 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	7492; 30/09/2020	13.219	7.219	7.219	3.219	4.000	
4	Khu nhà học lý thuyết 03 tầng, Trường tiểu học Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	12/2019 - 12/2022	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học	BQL dự án ĐTXD	1981; 16/03/2020	19.760	19.760	16.357	10.281	6.076	
5	Xây khu hiệu bộ và bổ sung các phòng học văn hóa, phòng chức năng trường TH Hải Yên	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; xây nhà hiệu bộ 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	15223; 13/12/2021	25.983	25.983	24.900		24.900	
6	Xây dựng bổ sung phòng học và sửa chữa khu nhà học chức năng thành khu hiệu bộ trường THCS Hòa Lạc	1	C	2022-2024	Xây nhà học 03 tầng 18 phòng học; Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng	BQL dự án ĐTXD	15224; 13/12/2021	25.098	25.098	24.000		24.000	
7	Xây bổ sung phòng học, sửa chữa khu nhà học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	C	2022-2024	Xây nhà học 04 tầng; Xây mới nhà cầu 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án ĐTXD	15213; 13/12/2021	40.014	40.014	39.280		39.280	
8	Xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo bếp ăn trường Mầm non Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng, Cải tạo, mở rộng nhà bếp ăn; Xây mới 02 nhà cầu và các hạng mục phụ trợ khác	BQL dự án ĐTXD	15227; 13/12/2021	17.400	17.400	16.260		16.260	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
9	Xây dựng bổ sung phòng học, phòng hiệu bộ trường TH&THCS Vinh Trung	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 03 tầng	BQL dự án ĐTXD	15234; 13/12/2021	20.395	20.395	19.860		19.860
10	Xây dựng bổ sung phòng học, Khu hiệu bộ và nhà ăn trường Mầm non Bình Ngọc	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà học 02 tầng; Khối nhà hiệu bộ 02, nhà bếp 01 tầng	BQL dự án ĐTXD	15210; 13/12/2021	16.696	16.696	15.213		15.213
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường THPT Trần Phú, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	B	2022-2024		UBND thành phố Móng Cái	4811; 08/7/2022	200.000	200.000	200.000		200.000
12	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	B	2023-2026		UBND thành phố Móng Cái	120; 22/7/2022; 194; 19/12/2023	105.693		88.000		88.000
13	Xây mới, nâng cấp phòng học Trường tiểu học Đào Phúc Lộc, phường Trần Phú	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	40.285	40.285	36.300		36.300
14	Xây khu hiệu bộ trường tiểu học Ninh Dương, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	16.208	16.208	14.600		14.600
15	Xây dựng Trường mầm non Hải Yến giai đoạn 2	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022; 237/NQ-HĐND; 18/12/2024	7.135	7.135	7.100		7.100
IV	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin, du lịch	2						12.456	12.456	11.810	6.259	5.551
1	Biển tên khu du lịch quốc gia Trà Cỏ, Móng Cái, Quảng Ninh	1	C	02/6/2021 - 30/9/2021	Xây dựng biểu tượng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	9604; 04/12/2020	9.662	9.662	9.160	6.259	2.901
2	Nâng cấp hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C			Phòng VHHT	5570; 24/10/2024	2.794	2.794	2.650		2.650
V	Lĩnh vực Y tế	2						10.200	10.200	9.556	0	9.556
1	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15221; 13/12/2021	5.094	5.094	4.746		4.746
2	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	Xây dựng nhà làm việc 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15225; 13/12/2021	5.106	5.106	4.810		4.810
VI	Lĩnh vực Công nghiệp	4						30.263	30.263	19.964	0	19.964
1	Đầu tư hệ thống chiếu sáng khu dân cư thôn 9, 10, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Đầu tư mới tuyến điện chiếu sáng có chiều dài tuyến khoảng 3250,0 m	Phòng Quản lý đô thị	71/NQ-HĐND; 10/11/2021	3.800	3.800	2.253		2.253
2	Đầu tư đường điện và trạm biến áp ra ngọn Hải Đăng Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	120/NQ-HĐND; 22/7/2022	9.400	9.400	7.636		7.636

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
3	Thay thế hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu sử dụng bóng Sodium bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	10.000	10.000	6.234		6.234
4	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đường trục chính khu dân cư từ thôn 7 đi thôn 2, xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	7.063	7.063	3.841		3.841
VII	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải	5						50.762	48.298	25.457	1.410	24.047
1	Tuyến rãnh thoát nước mặt khu dân cư tổ 5, khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	L = 350 m	BQL dự án ĐTXD	9615; 04/12/2020	1.492	1.492	1.410	1.410	0
2	Xây dựng bổ sung hệ thống cấp nước sạch tại thôn Thoi Phi xã Vạn Ninh, thôn 4 xã Hải Xuân thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	L = 5,61 km	BQL dự án ĐTXD	15235; 13/12/2021	4.149	4.149	3.697		3.697
3	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè đường Doan Tĩnh, phường Hải Yên (Đoạn từ cầu Tráng Vinh đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	NQ 177; 14/11/2023	33.000	30.536	15.000		15.000
4	Đầu tư rãnh thoát nước, vỉa hè tuyến đường từ Đồn Biên phòng đến trường Mầm non xã Hải Sơn	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	NQ 177; 14/11/2023	10.621	10.621	4.500		4.500
5	Xây dựng tuyến cống thoát nước khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2024-2026			2708; 20/6/2024	1.500	1.500	850		850
VIII	Lĩnh vực Hạ tầng	18						1.222.739	1.222.738	1.122.686	306.734	815.952
1	Cải tạo, chỉnh trang đô thị tuyến Đại lộ Hòa Bình (đoạn từ Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái đến Vòng Xuyến đi Trà Cỏ), thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	L = 1,348 km	BQL dự án ĐTXD	10305; 21/12/2020; 8748; 07/10/2022	87.996	87.996	83.660	24.000	59.660
2	Hạ tầng khu tái định cư tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2023	S = 6,1 ha	BQL dự án ĐTXD	9563; 03/12/2020; 6936; 08/12/2023	109.707	109.707	98.740	34.865	63.875
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái (Đoạn từ ngã ba ông Thái đến Dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)	1	B	2021-2023	L = 2,0km	BQL dự án ĐTXD	10304; 21/12/2020	153.537	153.537	138.180	50.000	88.180
4	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2021-2024	S = 9,7ha	BQL dự án ĐTXD	10302; 21/12/2020	131.304	131.304	120.345	35.560	84.785
5	Hạ tầng đất ở tái định cư tại Khu 7, phường Ka Long, thành phố Móng Cái	1	C	2020-2021	S = 0,2 ha	BQL dự án ĐTXD	9240; 27/11/2020	2.089	2.089	1.811	1.436	375
6	Hạ tầng Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương	1	B	2021-2024	S = 9,85ha	BQL dự án ĐTXD	10303; 21/12/2020	170.250	170.250	153.230	42.200	111.030
7	Hạ tầng đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội tại trên địa bàn phường Hải Yên	1	C	2020-2024	S = 4,4 ha	BQL dự án ĐTXD	9598; 04/12/2020; 6711; 28/11/2023	67.267	67.267	60.540	30.000	30.540

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CĐT/phi duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
8	Hạ tầng khu quy hoạch di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	B	2020-2024	S = 10,22 ha	BQL dự án ĐTXD	9599; 04/12/2020	108.512	108.512	97.660	31.500	66.160
9	Hạ tầng đất ở tái định cư tại khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	B	2021-2023	S=10,7 ha	BQL dự án ĐTXD	149/NQ-HDND 14/12/2020; 152/NQ-HDND; 20/4/2023	280.956	280.956	263.860	57.173	206.687
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S=2,15ha	BQL dự án ĐTXD	15228; 13/12/2021	25.235	25.235	22.710		22.710
11	Điểm tái định cư đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	S=0,5 ha	BQL dự án ĐTXD	15226; 13/12/2021	6.233	6.233	5.790		5.790
12	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Điền, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2024	S = 1,43 ha	BQL dự án ĐTXD	15214; 13/12/2021	18.180	18.180	16.360		16.360
13	Dự án tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2024		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	1.210	1.210	1.200		1.200
14	Dự án tái định cư Lô - X, tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	134/NQ-HDND; 14/11/2022	30.882	30.882	30.800		30.800
15	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	701; 15/2/2023	4.590	4.590	4.300		4.300
16	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phú Xã, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	678; 14/2/2023	9.000	9.000	8.500		8.500
17	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	674; 14/2/2023	9.790	9.790	9.300		9.300
18	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	513; 02/2/2023	6.000	6.000	5.700		5.700
IX	Lĩnh vực Quốc phòng, an ninh	14						163.721	163.721	154.364	15.000	139.364
1	Công trình Quốc phòng trong Căn cứ chiến đấu thành phố Móng Cái (giai đoạn I)	1	C	2022-2023	Đường hầm chỉ huy, đường công vụ cơ động, nhà bán âm 3 gian, ụ súng	BCH quân sự TPMC	120; 09/6/2021	42.953	42.953	38.660	15.000	23.660
2	Xây dựng kho đạn hòa lực thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Nhà kho đạn hòa lực mái bằng 1 tầng và các hạng mục phụ trợ	BCH quân sự TPMC	97; 20/5/2022	3.404	3.404	3.226		3.226
3	Xây mới Trụ sở Công an xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15230; 13/12/2021	8.812	8.812	8.225		8.225
4	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2022-2023	Xây dựng nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	BQL dự án ĐTXD	15222; 13/12/2021	10.066	10.066	9.009		9.009
5	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10071; 30/11/2022	9.346	9.346	9.300		9.300

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
6	Xây mới Trụ sở Công an xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10103; 02/12/2022; 3806; 13/7/2023	14.567	14.567	12.704		12.704	
7	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10072; 30/11/2022	9.072	9.072	9.000		9.000	
8	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10113; 05/12/2022	11.346	11.346	11.340		11.340	
9	Xây mới Trụ sở Công an xã Quang Nghĩa, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	10114; 05/12/2022	11.344	11.344	11.300		11.300	
10	Xây mới Trụ sở Công an xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2925; 25/5/2023	11.303	11.303	11.300		11.300	
11	Xây mới Trụ sở Công an xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	2926; 25/5/2023	11.808	11.808	11.800		11.800	
12	Xây mới trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái	1	C	2023-2025		BQL dự án ĐTXD	3079; 05/6/2023	4.500	4.500	4.000		4.000	
13	Đầu tư xây dựng trụ cấp nước PCCC trên địa bàn các phường: Hòa Lạc, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	6110; 31/10/2023	5.300	5.300	5.000		5.000	
14	Chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 2)	1	C	2024-2026		BCH quân sự TPMC	62; 10/6/2024	9.900	9.900	9.500		9.500	
X	Lĩnh vực quản lý nhà nước	1						4.130	4.130	2.800	0	2.800	
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường tầng 01, trụ sở Thành ủy Móng Cái	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	6110; 31/10/2023	4.130	4.130	2.800		2.800	
XI	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Phường	20						61.447	57.150	53.714	0	53.714	
I	Phường Ka Long	1						2.033	2.033	1.954	0	1.954	
1.1	Cải tạo nâng cấp các công qua đường trên địa bàn phường Ka Long, TP Móng Cái	1	C	2022-2023		UBND phường Ka Long	495; 03/12/2021	2.033	2.033	1.954		1.954	
2	Phường Bình Ngọc	3						11.088	10.838	10.008	0	10.008	
2.1	Sửa chữa, bổ sung các hạng mục trụ sở UBND phường Bình Ngọc	1	C	2022		UBND phường Bình Ngọc	850; 27/01/2022	906	906	848		848	
2.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng đường tỉnh lộ 335 từ Trụ sở UBND phường Bình Ngọc đi Mũi Ngọc, phường Bình Ngọc	1	C	2022-2024		BQL dự án ĐTXD	15229; 13/12/2021	7.083	7.083	6.622		6.622	
2.3	Xây dựng Nhà văn hóa khu 4, phường Bình Ngọc	1	C	2023-2025		UBND phường Bình Ngọc	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	3.100	2.850	2.538		2.538	
3	Phường Hòa Lạc	1						878	878	847	0	847	
3.1	Cải tạo, sửa chữa khu vui chơi trẻ em thành điểm vui chơi phường Hòa Lạc	1	C	2022		UBND phường Hòa Lạc	16368; 31/12/2021	878	878	847		847	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
4	Phường Ninh Dương	6						11.551	10.766	10.086	0	10.086	
4.1	Xây dựng tuyến cống nước thải số 23, 26 khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Xây dựng tuyến cống nước thải với tổng chiều dài tuyến khoảng L = 193,17m	UBND phường Ninh Dương	16349; 31/12/2021	803	803	748		748	
4.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến cống thoát nước tổ 8, khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1	C	2022	Tuyến cống thoát nước có tiết diện BxH = 1,0x1,0m, chiều dài L=270,91m	UBND phường Ninh Dương	16348; 31/12/2021	1.169	1.169	1.084		1.084	
4.3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè trước nhà văn hóa khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 404,14m ²	UBND phường Ninh Dương	16350; 31/12/2021	556	556	474		474	
4.4	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Khuyến, khu Hồng Hà, phường Ninh Dương	1	C	2022	Lát diện tích vỉa hè 1.139m ²	UBND phường Ninh Dương	16351; 31/12/2021	875	450	378		378	
4.5	Xây dựng Nhà văn hóa khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1	C	2023-2025		UBND phường Ninh Dương	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	3.400	3.200	3.052		3.052	3.052
4.5	Xây mới nhà văn hóa khu Hòa Bình, phường Ninh Dương	1	C	2024-2026		UBND phường Ninh Dương	2708; 20/6/2024	4.748	4.588	4.350		4.350	4.350
5	Phường Trà Cổ	1						3.494	3.193	2.948	0	2.948	
5.1	Xây mới nhà văn hóa khu Tràng Lô; sửa chữa nhà văn hóa khu Tràng Vỹ, phường Trà Cổ	1	C	2022-2023	Xây mới nhà văn hóa khu Tràng Lô, sửa chữa nhà văn hóa khu Tràng Vỹ	UBND phường Trà Cổ	16504; 31/12/2021	3.494	3.193	2.948		2.948	2.948
6	Phường Hải Hòa	5						19.428	18.546	17.821	0	17.821	
6.1	Cải tạo cống thoát nước thải khu dân cư sau cây xăng khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2022-2023	L = 658,8m	UBND phường Hải Hòa	962; 15/12/2021	2.143	2.143	2.049		2.049	2.049
6.2	Đầu tư hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trần Quang Khải từ khu 8 đi khu 2, phường Hải Hòa	1	C	2022	L = 1,76km	UBND phường Hải Hòa	963; 15/12/2021	648	648	622		622	622
6.3	Xây mới Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023; 2624; 18/6/2024	5.461	5.000	4.800		4.800	4.800
6.4	Xây mới Nhà văn hóa khu 4, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023; 2481; 11/6/2024	5.455	5.455	5.250		5.250	5.250
6.5	Xây mới Nhà văn hóa khu 8, phường Hải Hòa	1	C	2024-2026		UBND phường Hải Hòa	6110; 31/10/2023	5.721	5.300	5.100		5.100	5.100
7	Phường Hải Yên	2						9.175	7.395	6.825	0	6.825	6.825

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
7.1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 3, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	134/NQ-HĐND; 14/11/2022	4.230	3.450	3.264		3.264
7.2	Xây mới nhà văn hóa phố 1, phường Hải Yên	1	C	2023-2025		UBND phường Hải Yên	4623; 22/8/2023	4.945	3.945	3.561		3.561
8	Phường Trần Phú	1						3.800	3.500	3.225	0	3.225
8.1	Xây mới Nhà văn hóa khu 2, phường Trần Phú	1	C	2024-2026		BQL dự án ĐTXD	6110; 31/10/2023	3.800	3.500	3.225		3.225
XII	Chương trình xây dựng nông thôn mới	30						88.524	81.412	67.268	21.749	45.519
I	Các dự án chung	1						10.000	10.000	1.516	1.516	0
1.8	Kinh phí tổ chức và trao thưởng cho các cuộc thi thuộc chương trình NTM trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025	1						10.000	10.000	1.516	1.516	0
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới các Xã	29						78.524	71.412	65.752	20.233	45.519
a	Xã Bắc Sơn	8						15.059	13.042	12.572	6.900	5.672
a1	Thôn đạt chuẩn NTM Thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C	2020-2021	Sửa chữa nhà văn hóa; hệ thống chiếu sáng đường thôn Lục Phú	BQL dự án ĐTXD	9614; 04/12/2020	2.908	2.033	2.518	2.090	428
a2	Vườn hoa, khuôn viên, cây xanh, rãnh thoát nước thải dọc các trục đường thôn Pec Nà, Phình Hồ và Thán Phún	1	C	2020-2022	Sửa chữa nhà văn hóa; hệ thoát nước Pec Nà; Xây bồn hoa	UBND xã Bắc Sơn	157; 11/12/2020	696	516	410	410	0
a3	Nâng cấp tuyến đường thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	L = 1473m	UBND xã Bắc Sơn	206; 24/8/2021	2.624	2.081	1.802	1.108	694
a4	Hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Lắp đặt cột, 35 bóng điện cao áp	UBND xã Bắc Sơn	207; 24/8/2021	973	872	842	467	375
a5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C	2021-2022	Sửa chữa nhà văn hóa, vệ sinh, tường rào	UBND xã Bắc Sơn	208; 24/8/2021	441	441	341	315	26
a6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu dân cư thôn Phình Hồ, Thán Phún, Pec Nà	1	C	2020-2022	L = 2,32 km	BQL dự án ĐTXD	9662; 07/12/2020	4.007	4.007	3.569	2.100	1.469
a7	Xây dựng Diêm tập kết và mua xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn	1	C	2020-2022	Xây 10 diêm tập kết rác, xe rác	UBND xã Bắc Sơn	156; 11/12/2020	449	410	410	410	0
a8	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bán 10 hộ, thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn		2.961	2.682	2.680		2.680
b	Xã Vạn Ninh	7						17.913	16.216	15.949	10.962	4.987
b1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Cầu Voi	1	C	2021-2022	Sửa chữa tuyến đường 76m, xây rãnh thoát 176m, xây bồn hoa, cây xanh	UBND xã Vạn Ninh	54; 08/12/2020	838	779	779	695	84
b2	Chỉnh trang, mở rộng lề đường, xây dựng rãnh thoát nước 02 bên đường ngõ xóm Thôn Bắc, Thôn Nam	1	C	2021-2022	L=671m	UBND xã Vạn Ninh	55; 08/12/2020	1.134	721	721	640	81

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
b3	Lắp đặt hệ thống đèn cao áp tuyến đường trục chính xã	1	C	2021-2022	L=1579m	UBND xã Vạn Ninh	58; 08/12/2020	983	506	465	41		
b4	Nâng cấp khu thể thao trung tâm xã gắn với điểm di tích văn hóa	1	C	2021-2022	Sân nền 4920m ² , thoát nước	UBND xã Vạn Ninh	57; 08/12/2020	724	671	550	121		
b5	Xây dựng 01 công xã, 01 công thôn	1	C	2021-2022	Công chào xã, công chào thôn Nam	UBND xã Vạn Ninh	56; 08/12/2020	701	519	435	84		
b6	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các thôn thôn Đông, thôn Trung, Thôn Cầu Voi trên địa bàn xã Vạn Ninh	1	C	2021-2022	L = 6,9 km	BQL dự án ĐTXD	9120; 23/11/2020	10.533	10.219	9.953	8.177	1.776	
b7	Xây mới Nhà văn hóa thôn cầu voi, xã Vạn Ninh	1	C			UBND xã Vạn Ninh		3.000	2.800	2.800	2.800	2.800	
c	Xã Hải Xuân	5						15.895	15.163	12.992	2.371	10.621	
c1	Xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới thôn 3, thôn 4, thôn 6	1	C			UBND xã Hải Xuân	3168; 29/4/2022	5.929	5.639	5.201	5.201	5.201	
c2	Sửa chữa, xây mới các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	226; 19/8/2021	1.031	812	679	472	207	
c3	Xây mới công khu Hồ Nam (thôn 1,2,3,4); thôn 8, thôn 10a, thôn 10b, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	Xây mới Công khu Hồ Nam (Thôn 1,2,3,4); Thôn 8; Thôn 10a; Thôn 10b.	UBND xã Hải Xuân	246; 17/10/2021	911	888	771	489	282	
c4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn thôn 3, xã Hải Xuân	1	C	2021-2022	L = 1,65 km	BQL dự án ĐTXD	14714; 02/12/2021	3.004	3.004	2.341	1.410	931	
c5	Xây dựng nhà văn hoá thôn 9 xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1	C	2024-2026		UBND xã Hải Xuân	5472; 09/10/2024	5.020	4.820	4.000	4.000	4.000	
d	Xã Quảng Nghĩa	1						8.214	7.423	6.481	0	6.481	
d1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3, 4, 5, xã Quảng Nghĩa	1	C			UBND xã Quảng Nghĩa	3158; 29/4/2022	8.214	7.423	6.481	6.481	6.481	
e	Xã Hải Sơn	2						3.500	3.230	3.148	0	3.148	
e1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn Lục Chấn, Thôn Phùn xã, xã Hải Sơn	1	C	2022-2024		UBND xã Hải Sơn	3160; 29/4/2022	2.456	2.331	2.249	2.249	2.249	
e2	Chỉnh trang, nâng cấp chợ Pò Hèn, Xã Hải Sơn	1	C	2023-2024		UBND xã Hải Sơn	10086; 02/12/2022	1.044	899	899	899	899	
g	Xã Hải Tiến	2						5.491	4.677	3.905	0	3.905	
g1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1, 2, 3A, 3B, 6, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	3165; 29/4/2022	2.722	2.462	2.311	2.311	2.311	
g2	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Thôn 1, 3A, 3B, xã Hải Tiến	1	C			UBND xã Hải Tiến	9986; 28/11/2022	2.769	2.215	1.594	1.594	1.594	
h	Xã Hải Đông	1						4.530	4.295	3.978	0	3.978	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTDTI/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
h1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 2,3,4,11, xã Hải Đông	1	C			UBND xã Hải Đông	3166; 29/4/2022	4.530	4.295	3.978		3.978	
i	Xã Vĩnh Thực	2						5.689	5.503	5.101	0	5.101	
ii	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3, xã Vĩnh Thực	1	C	2022-2024		UBND xã Vĩnh Thực	3157; 29/4/2022	3.681	3.517	3.405		3.405	
i2	Đường điện thấp sáng tuyến đường từ ngã 3 tới cảng Vạn Gia (đường liên xã); từ ngã 3 tới trung tâm UBND xã Vĩnh Thực	1	C			UBND xã Vĩnh Thực	9986; 28/11/2022	2.008	1.986	1.696		1.696	
k	Xã Vĩnh Trung	1						2.233	1.863	1.626	0	1.626	
k1	Xây dựng thôn đạt chuẩn NTM thôn 1,3,4 xã Vĩnh Trung	1	C			UBND xã Vĩnh Trung	3167; 29/4/2022	2.233	1.863	1.626		1.626	
XIII	Công trình, dự án thực hiện Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND	5						13.498	13.250	12.227	0	12.227	
I	Xã Hải Sơn	2						7.400	7.311	6.790	0	6.790	
1.1	Xây mới kênh Mã Thầu Sán thôn Thán Phú Xã, xã Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3161; 29/4/2022	2.412	2.387	2.176		2.176	
1.2	Xây mới Nhà hoạt động thể chất trường Tiểu học & THCS Hải Sơn	1	C			UBND xã Hải Sơn	3159; 29/4/2022	4.988	4.924	4.614		4.614	
2	Xã Bắc Sơn	3						6.099	5.940	5.437	0	5.437	
2.1	Xây mới kênh tưới thôn Pec Nà, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3162; 29/4/2022	1.543	1.489	1.452		1.452	
2.2	Xây mới kênh tưới thôn Thán Phú, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3163; 29/4/2022	2.022	1.989	1.871		1.871	
2.3	Thay thế ống dẫn nước tưới để phục vụ sản xuất thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	3164; 29/4/2022	2.534	2.462	2.114		2.114	
XIV	Lĩnh vực khác	43						32.163	32.163	25.930	4.215	21.715	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương (quỹ đất thu hồi của Công ty Cao su)	1				Phòng Quản lý đô thị	8946; 12/11/2020	49	49	45	45	0	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm hội nghị tiệc cưới, nhà hàng, khách sạn tại khu Hồng Phong, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8940; 12/11/2020	108	108	100	100	0	
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	1				Phòng Quản lý đô thị	8949; 12/11/2020	492	492	480	480	0	
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu Thương Trung, phường Ninh Dương	1				Phòng Quản lý đô thị	8837; 09/11/2020	473	473	470	470	0	
5	Đề án Phát triển du lịch thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	1				Phòng Văn hóa thông tin	5371; 08/7/2021	486	486	446	170	276	
6	Đề án phát triển hạ tầng môi trường thủy sản thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	2.746	2.746	2.689	950	1.739	
7	Đề án bảo vệ rừng ngập mặn gắn với khai thác lợi thế từ rừng ngập mặn để phục vụ phát triển du lịch thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	1.150	1.150	1.073	400	673	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
8	Đề án Phát triển sản phẩm OCOP thành phố Móng Cái giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	442	442	441	155	286
9	Đề án xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	1				Phòng Kinh tế	3648; 17/5/2021	935	935	933	325	608
10	Chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030	1				Phòng Quản lý đô thị	5350; 07/07/2021	1.259	1.259	300	300	
11	Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Đất ở tại thôn 10A, thôn 10B, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	8950; 12/11/2020	347	347	340	340	0
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Một số điểm dân cư xã Hải Sơn, Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	8948; 12/11/2020	489	489	480	480	0
13	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 chợ phường Hải Yên tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				UBND phường Hải Yên	607; 22/02/2024	167	167	167		167
15	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình thu gom, bãi đổ thải tại phường Hải Yên và xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	5541; 28/9/2023; 836; 08/3/2024	442	442	442		442
16	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bến thủy nội địa Công an Nhân dân tại thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	4094; 28/7/2023; 836; 08/3/2024	113	113	113		113
17	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị tại phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	9459; 04/11/2022; 836; 08/3/2024	727	727	727		727
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thực	13764; 28/12/2022; 797; 07/3/2024	850	850	850		850
20	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vạn Ninh	15759; 28/12/2022; 809; 07/3/2024	1.042	1.042	1.042		1.042
21	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý rác và bãi chôn lấp rác thải tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	837; 08/3/2024	1.040	1.040	1.040		1.040
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Trung	13761; 28/12/2022; 8173; 29/12/2023	852	852	852		852
23	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TPMC	13; 10/02/2023; 234; 29/12/2023	502	502	378		378
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường bán, thao trường huấn luyện tổng hợp lực lượng vũ trang thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TPMC	19; 20/02/2023; 235; 29/12/2023	1.289	1.289	882		882
25	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Sơn	1				Phòng Quản lý đô thị	15293; 14/12/2021	120	120	120		120
26	Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn	1				Phòng Quản lý đô thị	15294; 14/12/2021	119	119	119		119
27	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Tiến	1				Phòng Quản lý đô thị	15295; 14/12/2021	132	132	132		132

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
28	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Nghĩa	1				Phòng Quản lý đô thị	15296; 14/12/2021	116	116	116		116
29	Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Đông	1				Phòng Quản lý đô thị	15297; 14/12/2021	127	127	127		127
30	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để di chuyển các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	3535; 29/6/2023	66	66	66		66
31	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công viên phía đông sông Ka Long, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	1698; 28/3/2023	190	190	190		190
32	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Hạ tầng khu chế biến thực phẩm, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung thành phố Móng Cái	1				Phòng Kinh tế	1486; 19/4/2024	363	363	360		360
33	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP.MC	1785; 26/4/2024	154	154	150		150
34	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP.MC	1786; 26/4/2024	164	164	160		160
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP.MC	1787; 26/4/2024	170	170	165		165
36	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP.MC	1788; 26/4/2024	170	170	165		165
37	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hải Đông, thành phố Móng Cái	1				BCH quân sự TP.MC	1789; 26/4/2024	148	148	145		145
38	Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu hợp tác kinh tế (Khu A3) thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	2625; 14/6/2024	193	193	185		185
39	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	7898; 29/12/2023	1.129	1.129	1.100		1.100
40	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 một số điểm quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, phường	1				Phòng Quản lý đô thị	2757; 21/6/2024	400	400	400		400
41	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bắc đại lộ Hoà Bình, phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				Phòng Quản lý đô thị	2857; 26/6/2024	1.077	1.077	1.070		1.070
42	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu A5 thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				BQL dự án ĐTXD	1061; 08/4/2021	1.674	1.674	900		900
43	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu A6 thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				BQL dự án ĐTXD	8144; 27/9/2022	5.618	5.618	3.850		3.850
44	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thục, thuộc Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	1				BQL dự án ĐTXD	736; 10/3/2021	3.760	3.760	1.850		1.850
45	Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	1				Phòng Quản lý đô thị	4441; 16/8/2024	274	274	270		270

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	
XV	Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021- 2025	56						286.798	183.249	258.048	0	258.048
I	Xã Vĩnh Thục	4						31.169	15.742	18.905	0	18.905
1.1	Sửa chữa, xây mới mương tưới đập Giếng Cối, Ván Sin thôn 1, thôn 2, thôn 3 xã Vĩnh Thục	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	3.068	2.908	2.543		2.543
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn, ngõ xóm trên địa bàn xã Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1				UBND xã Vĩnh Thục	1617; 22/3/2023	4.440	4.180	3.668		3.668
1.3	Xây mới nhà văn hóa thôn 1 Vĩnh Thục, thành phố Móng Cái	1		2024		BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	2.821	2.761	2.334		2.334
1.4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thục (giai đoạn 1)	1		2024		UBND xã Vĩnh Thục	6185; 03/11/2023	4.815	4.698	4.460		4.460
1.5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, xã Vĩnh Thục	1	C	2025-2027		UBND xã Vĩnh Thục	5100; 23/9/2024	6.318	1.195	5.900		5.900
2	Xã Hải Đông	5						39.344	18.639	32.986	0	32.986
2.1	Nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng thôn 7 đến công chào thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	5.600	5.300	4.475		4.475
2.2	Tuyến điện chiếu sáng thôn 3, thôn 5, xã Hải Đông	1				UBND xã Hải Đông	1617; 22/3/2023	2.880	2.810	1.661		1.661
2.3	Nâng cấp đường giao thông ngõ, xóm xã Hải Đông năm 2024	1		2024		UBND xã Hải Đông	6185; 03/11/2023	2.437	2.389	1.892		1.892
2.4	Xây mới nhà văn hóa thôn 7 xã Hải Đông	1		2024		UBND xã Hải Đông	6185; 03/11/2023	2.937	2.886	2.232		2.232
2.5	Xây mới nhà văn hóa thôn 9 xã Hải Đông	1		2024		UBND xã Hải Đông	6185; 03/11/2023	2.914	2.863	2.316		2.316
2.6	Nâng cấp tuyến đường trục chính từ quốc lộ 18A đến đó ông Ngô thôn 10 xã Hải Đông	1	C	2025-2027		UBND xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.927	973	4.600		4.600
2.7	Xây mới, sửa chữa kênh mương phục vụ sản xuất trên địa bàn xã Hải Đông	1	C	2025-2027		UBND xã Hải Đông	5100; 23/9/2024	4.640		3.870		3.870
2.8	Xây mới nhà đa năng trường tiểu học Hải Đông	1	C	2025-2027		UBND xã Hải Đông	6184; 22/11/2024	5.468	1.418	4.740		4.740
2.9	Đường giao thông nông thôn liên thôn 3, thôn 5, thôn 9, xã Hải Đông	1	C	2025-2027		UBND xã Hải Đông	6184; 22/11/2024	7.542		7.200		7.200
3	Xã Vạn Ninh	6						20.732	16.327	19.612	0	19.612
3.1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đến bến cá Trần Hưng Đạo, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	783	685	646		646

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			KH 2021-2025		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025	
3.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Nam, xã Vạn Ninh	1				UBND xã Vạn Ninh	1617; 22/3/2023	4.400	4.100	4.000		4.000	
3.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba bưu điện xã đi Bến cá Trần Hưng Đạo, thôn Trung, xã Vạn Ninh	1		2024		UBND xã Vạn Ninh	6185; 03/11/2023	4.260	4.164	4.163		4.163	
3.4	Xây rãnh thoát nước tuyến đường bên cá thôn Đông, xã Vạn Ninh	1		2024		UBND xã Vạn Ninh	6185; 03/11/2023	1.553	1.500	1.425		1.425	
3.5	Làm rãnh thoát nước 2 bên đường tuyến đường xi nghiệp thôn Bắc, xã Vạn Ninh	1		2024		UBND xã Vạn Ninh	6185; 03/11/2023	3.300	3.188	3.177		3.177	
3.6	Xây rãnh thoát nước từ tuyến đường Trục Chính xã đến Nhà văn hóa thôn Bắc, xã Vạn Ninh	1		2024		UBND xã Vạn Ninh	6185; 03/11/2023	2.090	2.041	1.966		1.966	
3.7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba thôn Trung đi thôn Nam xã Vạn Ninh	1	C	2025-2027		UBND xã Vạn Ninh	5100; 23/9/2024	4.346	649	4.235		4.235	
4	Xã Hải Xuân	8						85.655	50.987	79.012	0	79.012	
4.1	Tuyến điện chiếu sáng thôn 4, xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	1.500	1.450	821		821	
4.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.153		2.153	
4.3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trạm khí tượng đến nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.154	2.020	2.002		2.002	
4.4	Xây mới tuyến kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu thôn 6, thôn 11, xã Hải Xuân	1	C			UBND xã Hải Xuân	1617; 22/3/2023	2.600	2.199	1.818		1.818	
4.5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 335 đến đường rẽ chùa Xuân Lan, xã Hải Xuân	1	C	2024		BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	5.899	5.571	5.090		5.090	
4.6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ cầu Máng đến khu Lò Mắm cũ, xã Hải Xuân	1	C	2024		BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	4.602	4.429	3.928		3.928	
4.7	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường THCS Hải Xuân	1	C	2024		BQL dự án ĐTXD	943; 14/3/2024	58.000	32.868	55.000		55.000	
4.8	Xây dựng tuyến đường công vụ để Hồ Việt và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đê Hồ Việt đến nhà văn hóa thôn 8, xã Hải Xuân	1	C	2025-2027		UBND xã Hải Xuân	5100; 23/9/2024	8.400		8.200		8.200	
5	Xã Bắc Sơn	3						10.596	10.303	8.472	0	8.472	
5.1	Sửa chữa ngắm trần Péc Nà II, xã Bắc Sơn	1	C			UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	2.900	2.835	2.283		2.283	
5.2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư thôn Péc Nà và thôn Thán Phùn xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái.	1	C	2023-2024		UBND xã Bắc Sơn	1617; 22/3/2023	4.000	3.800	2.900		2.900	
5.3	Xây mới nhà văn hóa thôn Thán Phùn, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái	1	C	2024		UBND xã Bắc Sơn	6185; 03/11/2023	3.696	3.668	3.289		3.289	
5.4	Xây mới nhà văn hoá thôn Phình Hồ, xã Bắc Sơn	1	C	2025-2027		UBND xã Bắc Sơn	5100; 23/9/2024	2.995	570	2.930		2.930	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTD/ phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025			Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021	2022-2025		
														14.791
6	Xã Vĩnh Trung	4												
6.1	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.600	2.550	2.365			2.365	
6.2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn 1, thôn 2 xã Vĩnh Trung	1				UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	1.802	1.731	1.580			1.580	
6.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Vĩnh Trung	1	2023-2024			UBND xã Vĩnh Trung	1617; 22/3/2023	2.800	2.660	2.400			2.400	
6.4	Xây mới nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS Vĩnh Trung	1	2024-2026			BQL dự án ĐTXD	944; 14/3/2024	7.589	3.899	5.808			5.808	
7	Xã Quảng Nghĩa	3						12.750	9.899	11.709	0	11.709		
7.1	Nhà đa năng trường tiểu học Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	1617; 22/3/2023	5.690	5.640	4.961			4.961	
7.2	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu treo qua xóm núi) xã Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	2.091	2.039	1.998			1.998	
7.3	Tuyến đường ngõ xóm (từ xóm cầu treo qua xóm Hoàng Thái) xã Quảng Nghĩa	1				BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	1.865	1.816	1.780			1.780	
7.4	Xây mới nhà văn hóa thôn 3 xã Quảng Nghĩa	1	2025-2027			UBND xã Quảng Nghĩa	5100; 23/9/2024	3.104	404	2.970			2.970	
8	Xã Hải Tiến	7						68.558	40.299	64.198	0	64.198		
8.1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 2, xã Hải Tiến	1	2023-2025			UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	1.735	1.691	1.230			1.230	
8.2	Xây mới Nhà văn hóa thôn 5, xã Hải Tiến	1	2023-2025			UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200			2.200	
8.3	Xây mới Nhà văn hóa thôn 1, xã Hải Tiến	1	2023-2025			UBND xã Hải Tiến	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	2.200			2.200	
8.4	Xây mới công nghệ ngăn mặn, thoát lũ thôn 2 xã Hải Tiến	1	2024-2026			UBND xã Hải Tiến	6185; 03/11/2023	3.260	3.209	2.526			2.526	
8.5	Xây mới Nhà văn hóa thôn 6 xã Hải Tiến	1	2024-2026			UBND xã Hải Tiến	6185; 03/11/2023	3.112	3.021	2.995			2.995	
8.6	Xây mới Nhà văn hóa thôn 8 xã Hải Tiến	1	2024-2026			UBND xã Hải Tiến	6185; 03/11/2023	2.721	2.621	2.537			2.537	
8.7	Xây mới khu nhà học, các phòng học chức năng và nhà đa năng Trường tiểu học Hải Tiến	1	2024-2026			BQL dự án ĐTXD	943; 14/3/2024	44.975	23.284	43.000			43.000	
8.8	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng thôn 1, xã Hải Tiến	1	2025-2027			UBND xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	1.450	223	1.410			1.410	
8.9	Xây mới nhà văn hóa thôn 3A, xã Hải Tiến	1	2025-2027			UBND xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.204	840	3.100			3.100	
8.10	Xây mới nhà văn hóa thôn 3B, xã Hải Tiến	1	2025-2027			UBND xã Hải Tiến	5100; 23/9/2024	3.101	510	3.000			3.000	

STT	Tên dự án	Số dự án	Phân loại dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTDĐT/phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025		Ghi chú	
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Năm 2021		2022-2025
9	Xã Hải Sơn	5						9.916	9.643	8.071	0	8.071	
9.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các khu dân cư xóm Đồi Tây thôn Pò Hên và xóm 26 hộ thôn Thán Phún xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái.	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.623	2.492	1.600		1.600	
9.2	Xây mới nhà văn hóa thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	1617; 22/3/2023	2.500	2.450	1.882		1.882	
9.3	Xây dựng mới tuyến mương kéo dài xóm 26 hộ thôn Thán Phún Xã, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	6185; 03/11/2023	540	523	523		523	
9.4	Xây mới nhà văn hóa thôn Pò Hên, xã Hải Sơn	1				BQL dự án ĐTXD	6185; 03/11/2023	3.147	3.120	3.010		3.010	
9.5	Xây mới tuyến mương kéo dài thôn Lục Chấn, xã Hải Sơn	1				UBND xã Hải Sơn	6185; 03/11/2023	1.105	1.058	1.056		1.056	